

Số: 164/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 10 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2537/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 284/BC-DT ngày 08 tháng 01 năm 2023 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ chi tiết dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh (Phụ lục số 08, 09) cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thành phố, số tiền 83.730 triệu đồng.

- Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 53.860 triệu đồng (ngân sách trung ương 52.291 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 1.569 triệu đồng).

- UBND các huyện, thành phố: 29.870 triệu đồng (ngân sách trung ương: 29.000 triệu đồng, ngân sách huyện đối ứng 870 triệu đồng).

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ mười thông qua ngày 10 tháng 01 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường ữc: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (Dữg).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
PHÂN BỐ PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023 (PHẦN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT)
(Kèm theo Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 10/01/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Trong đó			Ngân sách địa phương đối ứng	Trong đó							
				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Ngân sách tỉnh	Chia ra			Ngân sách huyện			
									Dự án 4 Tiểu dự án 1	Dự án 6 Tiểu số dự án 1	Dự án 7		Dự án 4 Tiểu dự án 1	Dự án 6 Tiểu số dự án 1	Dự án 7
	Tổng	83.730	81.291	34.924	33.487	12.880	2.439	1.569	545	1.005	19	870			
I	Cấp tỉnh	53.860	52.291	18.160	33.487	644	1.569	1.569	545	1.005	19				
II	Huyện, thành phố	29.870	29.000	16.764	.	12.236	870	–	–	–	–	870			
1	Thành Phố	1.749	1.698	1.151		547	51					51			
2	Huyện Thuận Châu	4.055	3.937	1.920		2.017	118					118			
3	Huyện Mai Sơn	2.580	2.505	1.434		1.071	75					75			
4	Huyện Yên Châu	2.235	2.170	1.281		889	65					65			
5	Huyện Mộc Châu	1.808	1.755	1.173		582	53					53			
6	Huyện Phù Yên	3.293	3.197	1.651		1.546	96					96			
7	Huyện Bắc Yên	2.423	2.352	1.347		1.005	71					71			

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Trong đó			Ngân sách địa phương đối ứng	Trong đó				
				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Ngân sách tỉnh	Chia ra			Ngân sách huyện
									Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
				Dự án 4 Tiểu dự án 1	Dự án 6 Tiểu số dự án 1	Dự án 7		Dự án 4 Tiểu dự án 1	Dự án 6 Tiểu số dự án 1	Dự án 7		
8	Huyện Mường La	2.512	2.439	1.434		1.005	73					73
9	Huyện Quỳnh Nhai	1.922	1.866	1.216		650	56					56
10	Huyện Sông Mã	2.885	2.801	1.564		1.237	84					84
11	Huyện sốp Cộp	2.198	2.134	1.268		866	64					64
12	Huyện Vân Hồ	2.210	2.146	1.325		821	64					64